



2									
---	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Lưu ý: Công ty điền đầy đủ thông tin tại tất cả các cột và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin đã điền. Không chèn thêm cột. Trường hợp muốn thêm các thông tin khác ngoài cột sẵn có thì điền vào cột ghi chú.

Cột (2) viết đúng theo bảng danh mục đính kèm. (Nếu muốn chỉnh sửa lại tên cột (2) thì ghi vào cột (10)).

Cột (3) đến (9): Thông tin hàng hóa công ty báo giá.

Cam kết: Công ty không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá. Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Trung tâm Y tế Kỳ Anh trân trọng cảm ơn./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Phòng KH-TC;
- Lưu: VT, KD.

**GIÁM ĐỐC**

**Lê Văn Luật**

## PHỤ LỤC: DANH MỤC MỜI BÁO GIÁ VẬT TƯ, HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM

( Kèm theo thư mời số 195/TTYT-KD ngày 20/05/2026 của TTYT Kỳ Anh)

TT	Tên mặt hàng	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
<b>I. Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm HbA1C MTI (Model: HA-1200)</b>					
1	Hoá chất dùng cho máy phân tích HbA1c loại A	Thành phần chính: NaCl 20mmol/L; Phosphate 40mmol/L; Perserver < 0.5ml/L	Túi	6	Sử dụng phù hợp trên máy xét nghiệm HbA1C MTI (HA-1200)
2	Hoá chất dùng cho máy phân tích HbA1c loại B	Thành phần chính: NaCl 170mmol/L; Phosphate 40mmol/L; Perserver < 0.5ml/L	Túi	2	
3	Dung dịch ly giải hồng cầu	Thành phần chính: Buffer 20mmol/L Sodium chloride 20mmol/L Surfactant 0.05ml/L Perserver < 0.5 ml/L	Can	6	
4	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng HbA1c	Thành phần chính: Huyết sắc tố glycosyl hóa, bao gồm chất bảo quản và chất ổn định	Hộp	1	
5	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng HbA1c	Thành phần chính: Huyết sắc tố glycosyl hóa, bao gồm chất bảo quản và chất ổn định.	Hộp	1	
6	Cột sắc ký	Thành phần chính: Cột làm bằng kim loại không gỉ, trong có màng lọc chuyên dụng, chịu được áp suất cao.	Chiếc	1	
7	Phin lọc	Phin lọc dạng nhựa, được cấu tạo dạng lưới lọc.	Chiếc	2	
<b>II. Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Linear (Model: JUNO)</b>					
1	Cuvette phản ứng	Được dùng để lưu trữ và ủ dung dịch phản ứng và hoàn tất quy trình ủ của phản ứng miễn dịch	Cái	3.000	Sử dụng phù hợp trên máy xét nghiệm miễn dịch Linear (JUNO)
2	Hoá chất rửa dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	- Được sử dụng để làm sạch hệ thống chất lỏng và tế bào đo lường trong quá trình xét nghiệm - Thành phần: KOH 176 mmol/L, chất tẩy rửa ≤ 1%; pH 13,0	Hộp/Lọ	3	
3	Hóa chất cung cấp môi trường phản ứng cho xét nghiệm miễn dịch	- Được sử dụng để cung cấp và duy trì môi trường phản ứng cho máy xét nghiệm miễn dịch - Thành phần: Phosphate Buffer eCLIA 270 mmol/L, tripropylamine 162 mmol/L, chất tẩy rửa ≤0,1%, chất bảo quản; pH 7,0.	Hộp/Lọ	5	
4	Hóa chất rửa máy dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	- Được sử dụng trên đường pipet sạch sau khi chuyển chất lỏng trong máy xét nghiệm miễn dịch - Thành phần: Phosphate buffer 0,1 mol/L, NaCl 1,5 mol/L, chất tẩy rửa 1,0%, chất bảo quản; pH 7,4	Hộp/Lọ	3	
5	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Total triiodothyronine	- Được sử dụng để xác định định lượng triiodothyronine toàn phần trong ống nghiệm trong huyết thanh và huyết tương người - Thành phần: MB, RB, RA, chất hiệu chuẩn và chất kiểm chuẩn	Hộp	5	
6	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Free	- Dùng để chẩn đoán lâm sàng thông thường để đánh giá tình trạng tuyến giáp	Hộp	5	

TT	Tên mặt hàng	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
	Thyroxine	- Thành phần: MB, RA, RB, chất hiệu chuẩn và chất kiểm soát			
7	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Thyroid Stimulating Hormone	- Dùng để xác định định lượng thyrotropin trong huyết thanh và huyết tương người - Thành phần: MB, RA, RB, chất hiệu chuẩn và chất kiểm chuẩn	Hộp	5	
8	Thuốc thử xét nghiệm định lượng beta human chorionic gonadotropin	- Dùng để xác định định lượng in vitro tổng số betaHuman Chorionic Gonadotropin ( $\beta$ -HCG) trong huyết thanh và huyết tương người. - Thành phần: + MB: Vi hạt phủ Streptavidin, 0,75mg/mL; PBS 0,1M; 0,05 % ProClin™ 300. + RB: Anti $\beta$ -HCG-Ab~biotin, 3mg/L; PBS 0,1M; 0,05 % ProClin™ 300 + RA: Anti $\beta$ -HCG-Ab~Ru(bpy)32+ , 1mg/L; PBS 0,1M; 0,05% ProClin™ 300.	Hộp	3	
9	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Troponin I	- Dùng để xác định định lượng troponin I tim trong huyết thanh và huyết tương người. - Thành phần: + MB: Hạt từ tính siêu nhỏ phủ streptavidin 0,75mg/mL: 0,1 M PBS; 0,05% ProClin™ 300. + Kháng thể chống cTnI-Ab~biotin 0,8 mg/L: dung dịch đệm MES 0,05 M; ProClin™ 300 0,05%. + RA: Kháng thể chống cTnI-Ab~Ru(bpy)3 2+ 0,63 mg/L: dung dịch đệm MES 0,05 M; ProClin™ 300 0,05%. + chất hiệu chuẩn	Hộp	3	
10	Hóa chất xét nghiệm N-terminal pro-brain natriuretic peptide	- Dùng để xác định định lượng in vitro N-terminal pro B-type natriuretic peptide trong huyết thanh và huyết tương người. - Thành phần: + MB: Streptavidin-coated micro magnetic beads, 0.75 mg/mL: 0.1M PBS; chất bảo quản + RB: Anti-NT-proBNP-Ab~biotin, 1.5 mg/L; 0.1M PBS; chất bảo quản + RA: Anti-NT-proBNP, 1.5 mg/L: 0.1M PBS; chất bảo quản + chất hiệu chuẩn	Hộp	1	
<b>Tổng cộng: 17 khoản</b>					